

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2019/HS-ST
Ngày: 16-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Chí Thiện;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hường - Kiểm Sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thịnh H**, sinh năm 1992. Tại: Long An; nơi cư trú: Ấp 1, xã P, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Đặng Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 9, khu 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu 1, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Ông Trần Văn H, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thịnh H và ông Lê Văn Th, sinh năm 1993; ngụ tại: Tổ 9, khu 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương là bạn bè và sống chung với nhau tại nhà ông Tho thuộc tổ 9, khu 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 09 giờ ngày 08/01/2019, khi H đang ở nhà của ông Th thì H mượn xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 61P1 - 948.39 của ông Th để đi lấy thuốc trị mụn giao cho khách hàng; ông Th đồng ý. Khi H điều khiển xe mô tô biển số 61P1 - 948.39 đi đến Khu Công nghiệp Vsip 2, địa chỉ tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì nhận được tin nhắn của người nam tên P (không xác định rõ nhân thân, lai lịch) là khách hàng mua thuốc trị mụn của H với nội dung ông P không đủ tiền chuyển khoản cho H để H đi lấy thuốc trị mụn. Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 61P1 - 948.39 của ông Th để đem đi cầm lấy tiền mua thuốc trị mụn giao cho ông P. Thực hiện ý định trên, H điều khiển xe mô tô biển số 61P1 - 948.39 đến tiệm cầm đồ L tại ấp 1, khu 1, phường T, thị xã Bế, tỉnh Bình Dương cầm xe mô tô trên cho ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1987, ngụ tại khu 1, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương với số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền trên, H dùng thanh toán tiền mua thuốc trị mụn rồi đem giao cho ông P. Sau đó, H bỏ trốn đến phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương thuê phòng trọ để ở và tắt nguồn điện thoại để ông Th không liên lạc được. Đến khoảng 21 giờ ngày 10/01/2019, H mở nguồn điện thoại thì thấy tin nhắn của ông Th kêu H trả xe mô tô biển số 61P1 - 948.39. Lúc này, do lo sợ không trốn tránh được nên H nói cho ông Th biết là H đã cầm xe mô tô biển số 61P1 - 948.39 của ông Th thì anh Th kêu H đem Hợp đồng thế chấp cầm cố tài sản đến ngã tư Sở Sao thuộc phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương giao lại cho ông Th và hẹn khoảng 12 giờ ngày 11/01/2019 sẽ đưa Hợp đồng thế chấp cầm cố tài sản cho ông Th. Sau đó, ông Th báo cho lực lượng phòng chống tội phạm phường Phú Hòa để nhờ hỗ trợ. Khoảng 12 giờ ngày 11/01/2019, khi H đến khu vực ngã tư Sở Sao thuộc phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương để đưa Hợp đồng thế chấp cầm cố tài sản cho ông Th thì bị lực lượng phòng chống tội phạm phường Phú Hòa mời về Công an phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một để làm việc. Qua làm việc, H khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 61P1 - 948.39 nên cùng ngày 11/01/2019, Công an phường Hòa Phú đến tiệm cầm đồ L tại ấp 1, khu 1, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương thu giữ xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 61P1 - 948.39 và chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 22/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một có Kết luận định giá số 12, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu đỏ đen, biển số 61P1 - 948.39, trị giá: 48.000.000 đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu đỏ đen, biển số 61P1 – 948.39, quá trình điều tra xác định: Đây là xe mô tô do ông Lê Văn Th đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Ngày 25/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một giao trả xe mô tô trên cho ông Lê Văn Th. Hiện tại, ông Th không yêu cầu Trần Thịnh H bồi thường gì và có Đơn bãi nại đối với H.

Quá trình điều tra, xác định: Khi Trần Thịnh H cầm xe mô tô biển số 61P1 – 948.39 cho ông Nguyễn Văn S thì H đưa Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, Giấy chứng minh nhân dân tên Lê Văn Th và nói đây là xe mô tô của H. Do kiểm tra số máy, số khung trên xe mô tô biển số 61P1 – 948.39 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trùng khớp nên ông S không nhìn kỹ hình ảnh trên Giấy chứng minh nhân dân mà tin tưởng và đồng ý cầm xe mô tô biển số 61P1 – 948.39 cho H. Ông S không biết đây là xe mô tô do H phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một không truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 14/5/2019, Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định xử phạt hành chính số 159 đối với ông Nguyễn Văn S về hành vi “Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố”, hình thức phạt tiền, số tiền 3.500.000 đồng.

Ngày 17/01/2019, ông Trần Văn H, sinh năm 1957, ngụ tại ấp 1, xã P, huyện B, tỉnh Long An (ông H là cha ruột của Trần Thịnh H) trả lại số tiền cầm xe là 30.000.000 đồng cho ông S. Ông H không yêu cầu Trần Thịnh H phải trả lại số tiền trên.

Cáo trạng số 128/CT-VKS – HS ngày 10/6/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Thịnh H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thịnh H mức hình phạt từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về vật chứng của vụ án: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ ngày 08/01/2019, sau khi Trần Thịnh H mượn xe mô tô biển số 61P1 – 948.39, trị giá: 48.000.000 đồng của ông Lê Văn Th để sử dụng, H đã chiếm đoạt đem đi cầm được số tiền 30.000.000 đồng rồi tiêu xài hết và bỏ trốn nên hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại nơi bị cáo gây án. Bị cáo ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi và giao trả cho bị hại; bị hại có đơn xin bãi nại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối chiếu với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và ngoài các tình tiết giảm nhẹ nêu trên thì bị cáo còn có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H (Cha bị cáo H) đã trả lại cho ông Nguyễn Văn S số tiền 30.000.000 đồng mà bị cáo H đã cầm chiếc xe mô tô biển số 61P1 – 948.39 cho ông S nên ông S không có ý kiến và yêu cầu gì khác. Đối với số tiền 30.000.000 đồng thì ông H cũng không yêu cầu bị cáo H phải trả lại cho ông nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trách nhiệm dân sự giữa bị cáo H với ông S, ông H.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; các Điều 136, 260 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Trần Thịnh H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thịnh H 01 (Một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Thịnh H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Sinh

